

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 7 - 2023

V/v trA chấp về hôn nhân và gia đình -
ly hôn

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Ngọc Thới Phần.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thật.

2. Bà Trần Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 về “TrA chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn” theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 và Quyết Đ hoãn phiên tòa số: 66/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tạ Ngọc L, sinh năm 1982 (có mặt).

HKTT: Ấp 4, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 1, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: A Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Tạ Ngọc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2001, chị Tạ Ngọc L và A Nguyễn Hoàng A kết hôn với nhau. A chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã X, huyện L, tỉnh

Hậu Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, mặc dù đã tìm cách hàn gắn và động viên nhau nhưng không thành. Hiện tại cuộc sống chung không còn hạnh phúc. A chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay.

Về con chung: Chị L và A Hoàng A có 02 con chung tên nguyên Hoàng Ng (giới tính nam), sinh ngày 25/8/2002 và Nguyễn Hoàng Đ (giới tính nam), sinh ngày 20/7/2004. Các con đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ A Hoàng A để tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng A Hoàng A đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của A Hoàng A. A Hoàng A cũng không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Tại phiên tòa A Hoàng A vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận Đ:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn chị Tạ Ngọc L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn A Nguyễn Hoàng A. Đối chiếu theo quy Đ tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “TrA chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn”. Bị đơn A Nguyễn Hoàng A có địa chỉ cư trú tại ấp 4, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang theo quy Đ tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2]. Bị đơn Nguyễn Hoàng A vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lý do. Căn cứ theo quy Đ tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với A Hoàng A nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của A theo quy Đ pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và A Hoàng A tự nguyện kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn theo quy Đ pháp luật nên hôn nhân của A chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống A chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị L

cho rằng mâu thuẫn giữa chị và A Hoàng A không thể hàn gắn, chị L không thể tiếp tục sống chung với A Hoàng A được nữa nên yêu cầu được ly hôn với A Hoàng A. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập chị L và A Hoàng A nhiều lần để hòa giải, động viên A chị đoàn tụ nhưng A Hoàng A vắng mặt không có lý do. Đến thời điểm xét xử chị L vẫn cương quyết ly hôn, không thay đổi lời khai. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị L và Hoàng A thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, A chị đã ly thân rất lâu từ năm 2015 cho đến nay nhưng không thể hàn gắn. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng A chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ mà chị L yêu cầu xin ly hôn với A Hoàng A là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L. Cho chị L và A Hoàng A được ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Chị L và A Hoàng A có 02 con chung tên nguyên Hoàng Ng (giới tính nam), sinh ngày 25/8/2002 và Nguyễn Hoàng Đ (giới tính nam), sinh ngày 20/7/2004. Các con đã trưởng thành, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị L khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Chị L khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy Đ tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5 Điều 27 Ng quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), đã nộp xong.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy Đ pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Ng quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Ngọc L đối với A Nguyễn Hoàng A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Tạ Ngọc L và A Nguyễn Hoàng A.

2. Về con chung: Chị L và A Hoàng A có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Ng (giới tính nam), sinh ngày 25/8/2002 và Nguyễn Hoàng Đ (giới tính nam), sinh ngày 20/7/2004. Các con đã trưởng thành, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị L khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị L khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Tạ Ngọc L phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo lai thu số 0006846 ngày 07/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Ngọc Thới Phần